

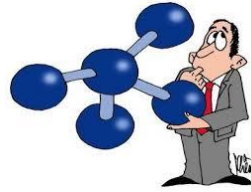


BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM GIẢNG VIÊN

CHUYÊN ĐỀ

ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA



1.1

Chất lượng

1.2

**Quản lý chất
lượng**

KHÁI NIỆM

- ❖ Chất lượng là tổng hoà những đặc trưng của sản phẩm hay dịch vụ thoả mãn nhu cầu tiêu dùng trong những điều kiện nhất định. Một cách tổng quát, chất lượng là sự phù hợp với yêu cầu và sự phù hợp đó phải được thể hiện ở ba phương diện: hoàn thiện (perfectibility), giá cả (price), thời điểm (punctuality).
- ❖ Quản lí chất lượng là hệ thống các quy trình nhằm đảm bảo chất lượng cho toàn hệ thống, thoả mãn nhu cầu thị trường với chi phí thấp nhất, có hiệu quả kinh tế cao nhất, được tiến hành trong tất cả các giai đoạn từ thiết kế, sản xuất cho đến phân phối, sử dụng sản phẩm.

Chất lượng trong giáo dục đại học, cao đẳng và dạy nghề



Chất lượng là sự tuân thủ các tiêu chuẩn.



Chất lượng là sự phù hợp với mục đích sử dụng.



Chất lượng là hiệu quả của việc đạt mục tiêu của trường đại học.



Chất lượng là sự đáp ứng nhu cầu của khách hàng (SV, người sử dụng lao động được đào tạo).

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRONG GIÁO DỤC

Quản lý chất lượng trong GD là xây dựng và vận hành một hệ thống quản lý (trên cơ sở các tiêu chuẩn, tiêu chí) nhằm tác động vào các điều kiện đảm bảo chất lượng trong tất cả các giai đoạn của quá trình GD, cho tất cả các sản phẩm của cả hệ thống chứ không nhằm vào chất lượng của từng giai đoạn hay từng sản phẩm đơn lẻ.

Chất lượng là sự tuân thủ các tiêu chuẩn

BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Bộ tiêu chuẩn có **25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí.**

Có bốn lĩnh vực:

- Đảm bảo CL chiến lược: 8 tiêu chuẩn, 37 tiêu chí.
- Đảm bảo chất lượng hệ thống: 4 tiêu chuẩn, 19 tiêu chí.
- Đảm bảo chất lượng chức năng: 9 tiêu chuẩn, 39 tiêu chí.
- Kết quả hoạt động: 4 tiêu chuẩn, 16 tiêu chí.

Chất lượng là sự tuân thủ các tiêu chuẩn

BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Bộ tiêu chuẩn có **11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí.**

HD mới theo CV-769 - Hướng dẫn TT 04 ngày 20/4/2018

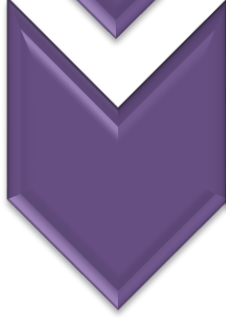
Các cấp độ trong quản lí chất lượng



Kiểm soát chất lượng (Quality Control)



Đảm bảo chất lượng (Quality Assurance)



Quản lí chất lượng tổng thể (Total Quality Management)

2. XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

2.1

Các mô hình quản lí chất lượng

2.2

Một số mô hình đảm bảo chất lượng tiêu biểu

2.1 Các mô hình quản lí chất lượng

2.1.1

Mô hình kiểm soát chất lượng

2.1.2

Mô hình đảm bảo chất lượng

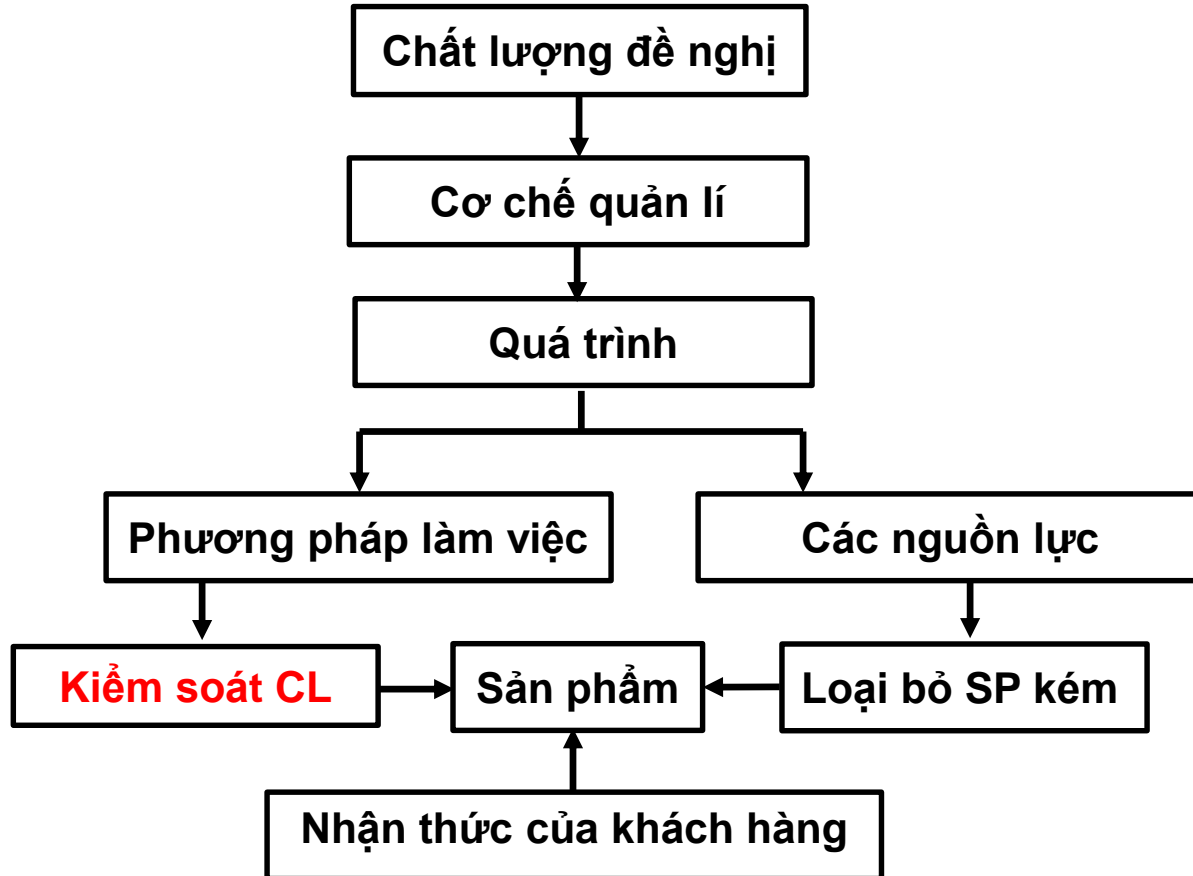
2.1.3

Mô hình quản lí chất lượng tổng thể (Mô hình TQM)

2.1.1. Mô hình kiểm soát chất lượng

- Có nhiều quan niệm về KSCL
 - KSCL là một quá trình, trong đó một SP hay dịch vụ được kiểm tra theo một tiêu chuẩn đã được định trước và sẽ bị loại bỏ hay làm lại nếu như nó dưới chuẩn đó.
 - Russo (1995): KSCL là “một quá trình thanh tra mà ở đó mỗi một SP, hay một mẫu SP, được kiểm soát.”
- KSCL là khâu cuối trong quá trình SX/ĐT, nhằm phát hiện và loại bỏ toàn bộ hay từng phần SP không đạt các chuẩn mực chất lượng.

2.1.1. Mô hình kiểm soát chất lượng



Quá trình kiểm soát chất lượng

2.1.1. Mô hình kiểm soát chất lượng

- KSCL tập trung vào việc theo dõi lại các lỗi trong quá khứ. Do đó, đặc điểm chủ yếu trong KSCL là “quá trình này không nhằm vào gốc rễ của vấn đề. KSCL chỉ giải quyết các vấn đề sau khi chúng bị phát hiện” (Russo, 1995).
- KSCL là công đoạn xảy ra sau cùng: khi SP đã được làm xong mới tính tới việc loại bỏ hoặc từ chối những hạng mục hay SP có lỗi. Việc làm này thường kéo theo lãng phí tương đối lớn vì phải loại bỏ hay làm lại các SP không đạt yêu cầu.

2.1.2. Mô hình đảm bảo chất lượng

- ĐBCL là mô hình quản lý hướng đến việc phòng chống những sai sót có thể xảy ra ngay từ bước đầu tiên: **Chất lượng của SP được quản lý ngay trong quá trình SX**, theo những tiêu chuẩn nhất định, nhằm đảm bảo không có sai sót trong bất kỳ khâu nào.
- Russo (1995): ĐBCL là sự xem xét các quá trình được sử dụng nhằm kiểm soát và sản xuất SP hay dịch vụ và nhằm tránh các phế phẩm. “Nếu như chúng ta có hệ thống ĐBCL, sẽ tránh đi việc có thể có các phế phẩm”.

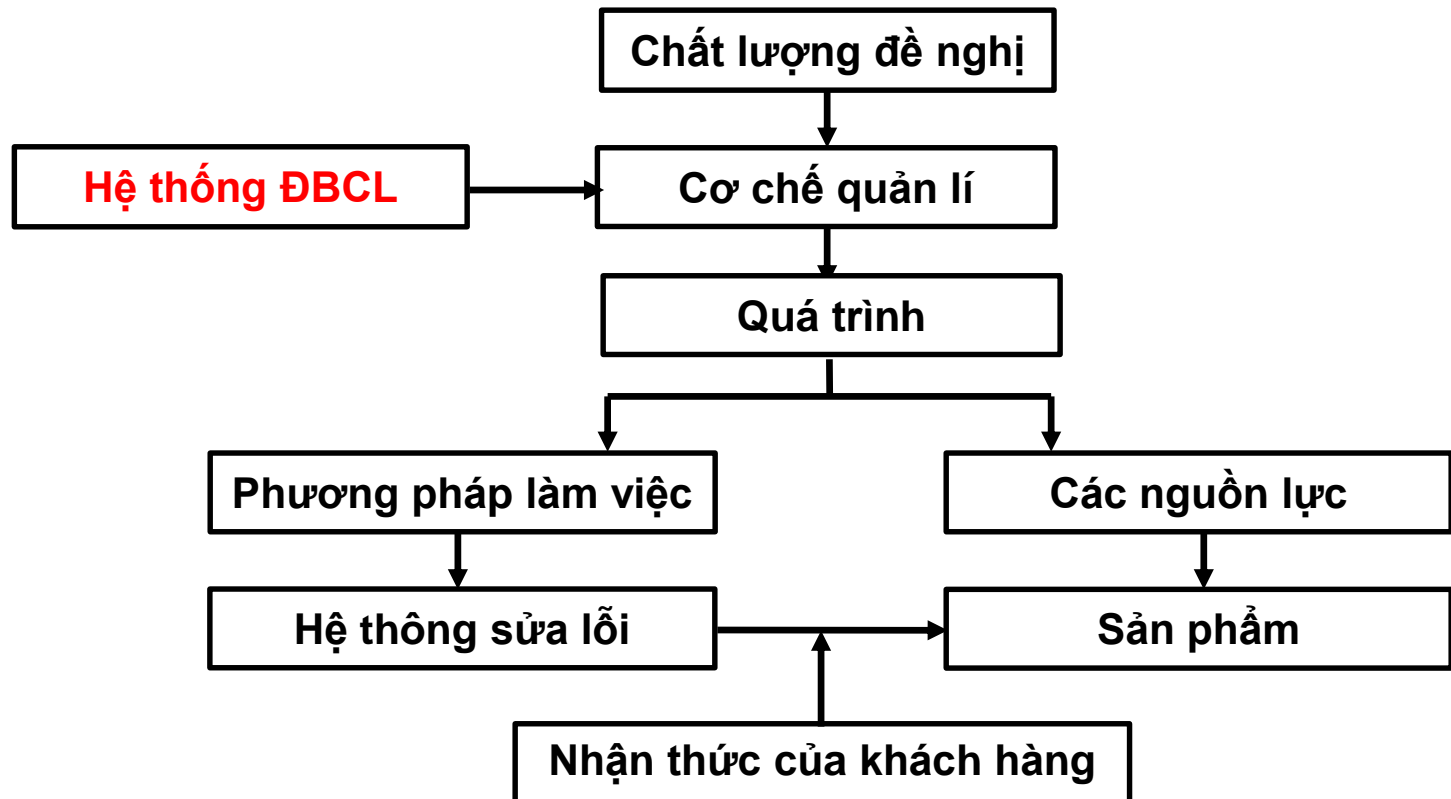
2.1.2. Mô hình đảm bảo chất lượng

- Freeman (1994): ĐBCL là “một cách tiếp cận có hệ thống nhằm xác định nhu cầu thị trường và điều chỉnh các phương thức làm việc nhằm đáp ứng được các nhu cầu đó”. Do đó, ĐBCL là một cách tiếp cận việc tổ chức công việc, nhằm đảm bảo:
 - Sự phổ biến, minh bạch;
 - Tính có kế hoạch;
 - Tính tự chịu trách nhiệm;
 - Sự đồng tâm;

2.1.2. Mô hình đảm bảo chất lượng

- *Sự phổ biến, minh bạch*: Sứ mạng và mục đích của tổ chức được tất cả thành viên trong tổ chức biết một cách rõ ràng;
- *Tính có kế hoạch*: Công việc được thực hiện trong một hệ thống được suy tính cẩn thận, rõ ràng và được truyền đạt đến tất cả mọi người;
- *Tính tự chịu trách nhiệm*: Tất cả mọi người đều biết rõ trách nhiệm của mình;
- *Sự đồng tâm*: Cái mà tổ chức cho là chất lượng đều được định nghĩa rõ ràng và có lưu trữ lại trong tài liệu của tổ chức;

2.1.2. Mô hình đảm bảo chất lượng



ĐBCL như một hệ thống tránh lỗi ngay từ đầu

2.1.2. Mô hình đảm bảo chất lượng

- Một hệ thống ĐBCL hiệu quả là một hệ thống có thể cho phép phòng tránh, tìm ra và sửa các lỗi có thể xảy ra trong cả quá trình. Do đó, ĐBCL vượt khỏi việc chỉ chấp nhận hay loại bỏ sản phẩm.
- Freeman (1994) gọi ĐBCL là một hệ thống học tập và tự sửa lỗi. Có hai dạng lỗi: (1) lỗi do con người gây ra, và (2) lỗi do hệ thống đã lỗi thời. Với (1), hệ thống ĐBCL sửa các lỗi/sai sót có thể có. Với (2), cần phải thay đổi PP.

2.1.2. Mô hình đảm bảo chất lượng

- ĐBCL là cấp độ quản lý chất lượng tiến bộ hơn KSCL, được thực hiện trước và trong quá trình sản xuất nhằm phòng ngừa sự xuất hiện những SP có chất lượng thấp.
- SP được thiết kế theo các chuẩn mực và mỗi người tham gia vào quá trình sản xuất đều có trách nhiệm đảm bảo chất lượng SP.

2.1.3. Mô hình quản lý chất lượng tổng thể

- Quản lý CLGD là quản lý các thành tố cơ bản tạo nên CLGD. Do đó, hoạt động quản lý lý tưởng nhất trong GD là quản lý chất lượng tổng thể (Total Quality Management - TQM).
- Quản lý chất lượng tổng thể (TQM) là gì?

2.1.3. Mô hình quản lí chất lượng tổng thể

- Quản lí chất lượng tổng thể (TQM) là gì?
 - Là quản lí chất lượng ở mọi công đoạn nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả chung của một tổ chức.
 - Là PP quản lí dựa trên sự tham gia của mọi thành viên nhằm đem lại sự thành công dài hạn, hướng tới việc thoả mãn tối đa khách hàng, đảm bảo lợi ích của mọi thành viên của tổ chức và của xã hội.

2.1.3. Mô hình quản lí chất lượng tổng thể

- Cụ thể:

- **T** (Total - đồng bộ, toàn diện, tổng hợp): Tất cả các công việc trong chu trình, mỗi người đều có vai trò nhất định, với yêu cầu chất lượng cao. Nó coi trọng sự cam kết và tham gia của mọi thành viên trong việc bảo đảm chất lượng công việc.

- **Q** (Quality - chất lượng)

- **M** (Management – Quản lí)

2.1.3. Mô hình quản lí chất lượng tổng thể

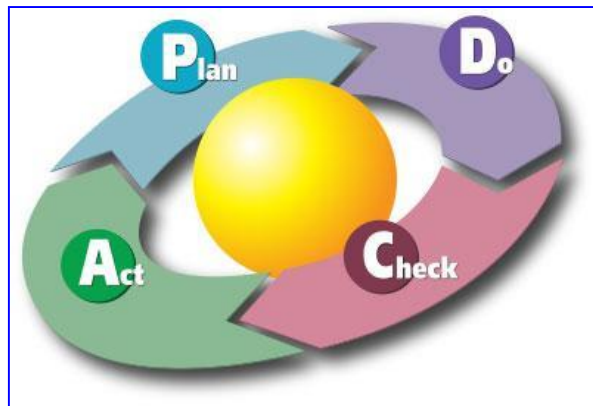
- **Cụ thể:**

- **T** (Total - đồng bộ, toàn diện, tổng hợp)
- **Q** (Quality - chất lượng): Chất lượng quản lí quyết định chất lượng sản phẩm. Chất lượng được thể hiện qua ba khía cạnh: hiệu năng, độ tin cậy, an toàn; hiệu quả tương xứng với chi phí đầu tư; đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- **M** (Management – Quản lí)

2.1.3. Mô hình quản lý chất lượng tổng thể

■ Cụ thể:

- **T** (Total - đồng bộ, toàn diện, tổng hợp)
- **Q** (Quality - chất lượng)
- **M** (Management – Quản lý): Quản lý có hiệu quả mọi giai đoạn của công việc trên cơ sở sử dụng vòng tròn quản lý P-D-C-A.



P (Plan): lập kế hoạch;

D (Do): tổ chức thực hiện;

C (Check): chỉ đạo và kiểm soát;

A (Action): điều chỉnh

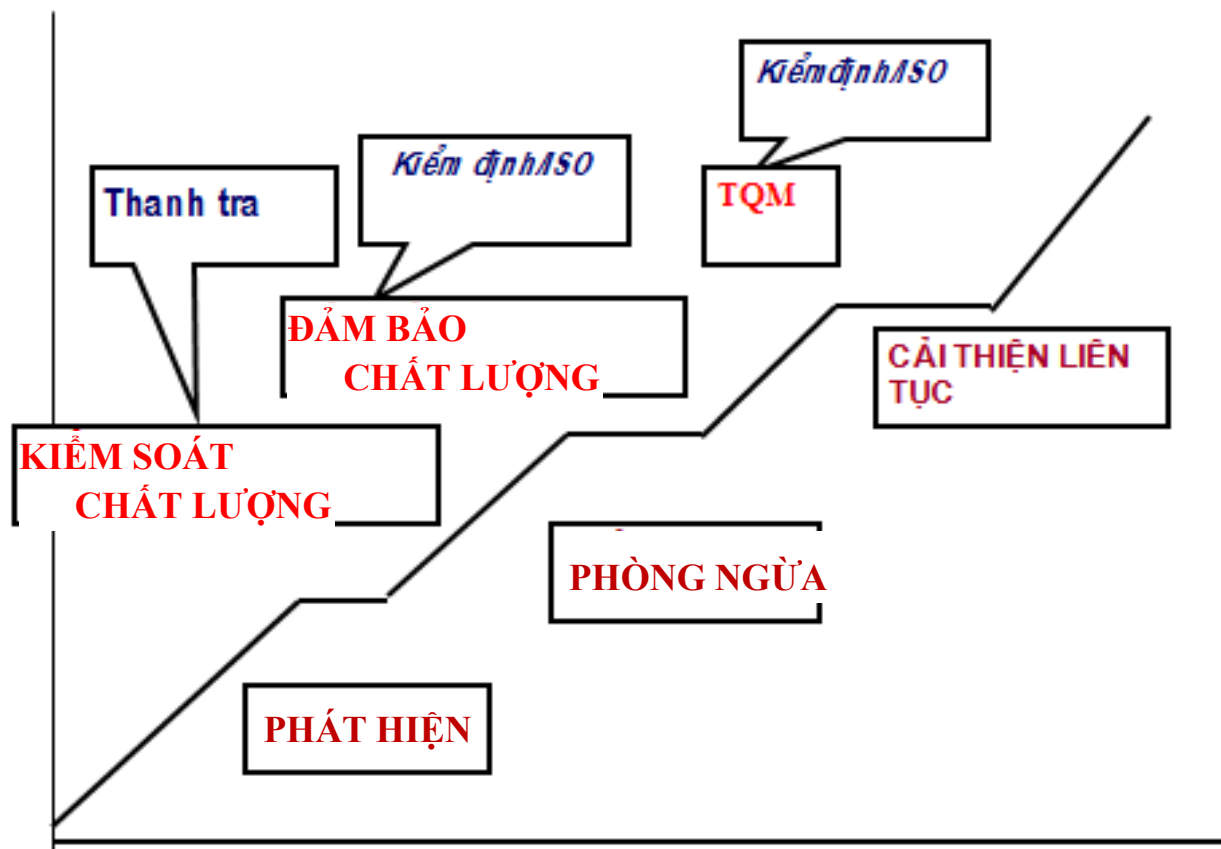
2.1.3. Mô hình quản lí chất lượng tổng thể

- Đặc trưng của mô hình TQM là nó không áp đặt một hệ thống cứng nhắc mà tạo ra một nền “*Văn hoá chất lượng*”.
- *Văn hoá chất lượng* được hiểu là sự hợp nhất, vận dụng chất lượng vào toàn bộ các hoạt động của hệ thống nhằm tạo ra môi trường tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo bên trong tổ chức và dẫn đến sự hài lòng của những người hưởng lợi từ tổ chức.

2.1.3. Mô hình quản lý chất lượng tổng thể

- Nguyên tắc quản lý cơ bản của TQM là tin và mạnh dạn trao quyền cho các thành viên. Mọi thành viên, bất kỳ ở cương vị nào, vào bất kỳ thời điểm nào, cũng đều là người quản lý chất lượng của phần việc mình được giao và hoàn thành nó một cách tốt nhất.
- Là một mô hình quản lý chất lượng vốn được sử dụng trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, TQM đã nhanh chóng được áp dụng hiệu quả vào nhiều lĩnh vực, trong đó có GDĐT.

2.1.3. Mô hình quản lý chất lượng tổng thể



Các mô hình quản lý chất lượng

2.2. Một số mô hình đảm bảo chất lượng tiêu biểu

2.2.1

Mô hình các yếu tố tổ chức (Organizational Elements Model)

2.2.2

Mô hình EFQM (European Foundation for Quality Management)

3. BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CỦA MỘT CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

3.1

Mô hình quản lí của mạng lưới các trường đại học khối ASEAN (AUN)

3.2

Xây dựng hệ thống quản lí chất lượng trên cơ sở bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Anh/Chị đánh giá **chất lượng GDĐH** nói chung và của **hoạt động dạy học** nói riêng trong giai đoạn hiện nay tại địa phương như thế nào? Nguyên nhân?
2. Anh/Chị **kì vọng** như thế nào về **chất lượng GDĐH** của Việt Nam trong bối cảnh của **hội nhập quốc tế**, của sự phát triển nhanh chóng của **KH&CN**, đặc biệt trong bối cảnh **đổi mới căn bản toàn diện GD Việt Nam** và khi **luật giáo dục 2019** có hiệu lực từ 01/7/2020?

ĐÁNH GIÁ GIẢNG VIÊN

- 1. Mục đích của đánh giá GV?**
- 2. Các phương pháp thu thập thông tin trong đánh giá GV?**
- 3. Các nguồn thu thập thông tin trong đánh giá GV ?**

Đánh giá giảng viên

1. Mục đích:

- Nhằm phát triển nghề nghiệp cá nhân, giúp GV có được các thông tin để điều chỉnh và nâng cao việc giảng dạy của mình;
- Đây là khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng giảng dạy và đào tạo của các trường ĐH;
- Dùng để hoạch định nguồn nhân lực trong các trường.

Đánh giá giảng viên

2. Phương pháp thu thập thông tin trong đánh giá GV:

- Phỏng vấn;
- Nghiên cứu hồ sơ giảng dạy;
- Đo lường đánh giá kết quả học tập của SV;
- Tự đánh giá của GV;
- Nghiên cứu hồ sơ các kết quả hoạt động chuyên môn;
- Nhận xét của đồng nghiệp;
- Lấy ý kiến từ người học (SV; cựu SV).

Đánh giá giảng viên

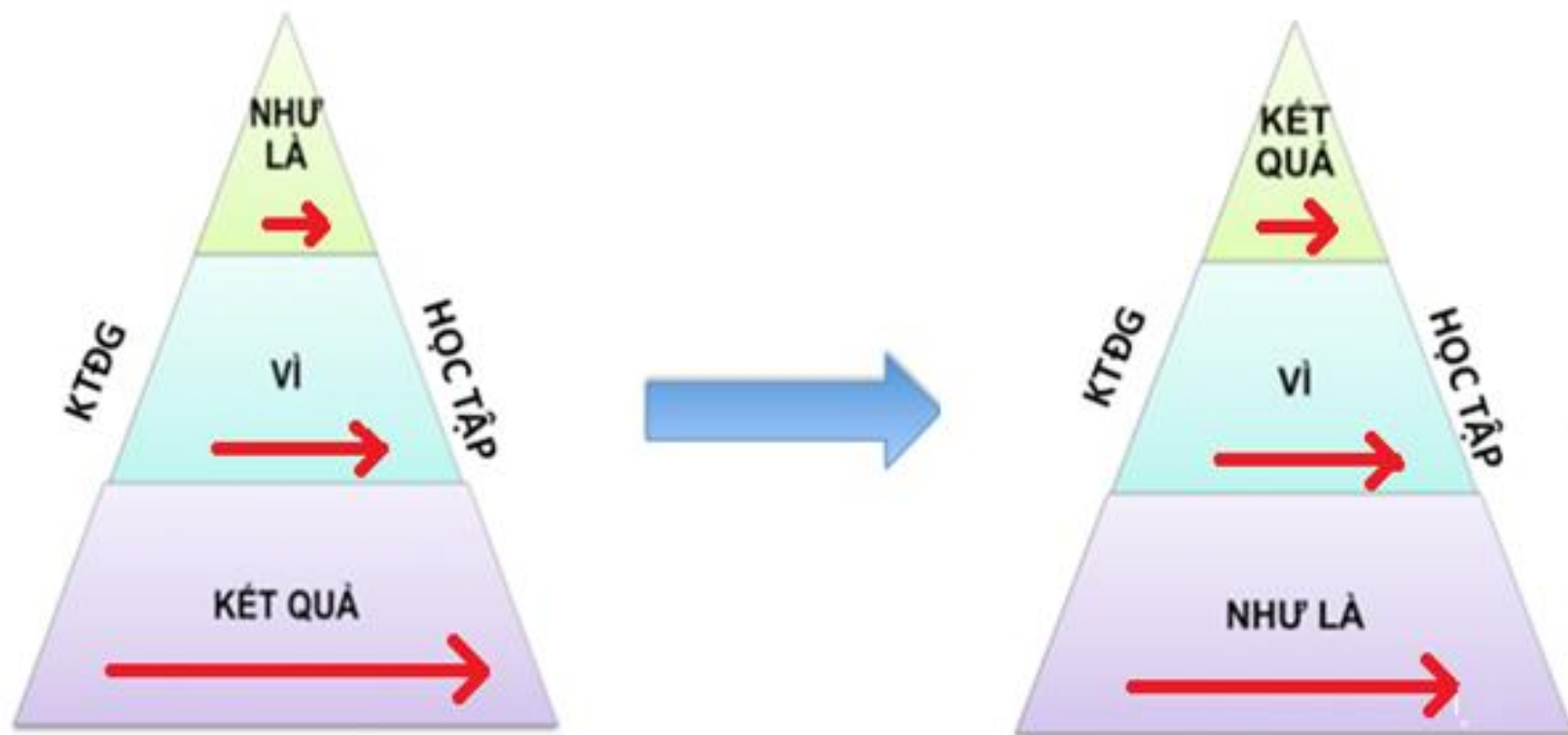
3. Các nguồn thu thập thông tin trong đánh giá GV

- Nguồn đánh giá từ SV đang học;
- Nguồn ĐG từ SV tốt nghiệp và SV năm cuối;
- Nguồn ĐG từ đồng nghiệp;
- Tự đánh giá của GV;
- Các nguồn khác.

KHÁI QUÁT VỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC

- 1. Mục đích của KTĐG trong dạy học?**
- 2. Các phương pháp kiểm tra đánh giá?**
- 3. Các công cụ kiểm tra đánh giá?**

Mục đích của KTĐG trong dạy học



Sự đổi mới mục đích của KTĐG trong dạy học

Các phương pháp kiểm tra đánh giá

- 1. Nhóm phương pháp kiểm tra viết**
- 2. Nhóm phương pháp quan sát**
- 3. Nhóm phương pháp vấn đáp**
- 4. Nhóm phương pháp thực hành**

CÁC HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, GIÁO DỤC

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
Đánh giá thường xuyên (Đánh giá quá trình)	Phương pháp hỏi – đáp	Câu hỏi, bảng hỏi.
	Phương pháp quan sát	Ghi chép các sự kiện thường nhật, thang đo, bảng kiểm, rubric,...
	Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập	Bảng quan sát, câu hỏi vấn đáp, phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics...)
	Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập	Bảng kiểm, thang đánh giá, phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics...)
Đánh giá định kỳ (đánh giá tổng kết/ đánh giá kết quả)	Phương pháp kiểm tra viết Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập	Bài kiểm tra (câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm), bài luận, bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí, thang đo.

CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ BẢNG KIỂM

Ví dụ: Bảng kiểm đánh giá KN thực hành thí nghiệm như sau:

Các tiêu chí	Có	Không
Chuẩn bị mẫu vật, dụng cụ đạt yêu cầu của bài thí nghiệm.		
Nêu được câu hỏi thí nghiệm.		
Nêu được giả thuyết thí nghiệm.		
Thiết kế được các bước thí nghiệm.		
Thực hiện các thao tác thí nghiệm thành thạo.		
Ghi chép quá trình thí nghiệm đầy đủ.		
Giải thích kết quả thí nghiệm rõ ràng.		
Rút ra kết luận chính xác.		

CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ (RUBRICS)

Ví dụ: Phiếu đánh giá theo tiêu chí nhằm đánh giá KN thực hành thí nghiệm:

Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Hình thành giả thuyết	Giả thuyết đúng	Giả thuyết liên quan với thực nghiệm nhưng chưa hoàn toàn chính xác.	Không đề xuất giả thuyết hoặc có giả thuyết nhưng không liên quan với thực nghiệm.
Thiết kế thí nghiệm	Thiết kế thí nghiệm chính xác	Thay đổi không chỉ có yếu tố cần thay đổi mà còn thay đổi yếu tố khác.	Thay đổi tất cả các yếu tố hoặc không có yếu tố nào thay đổi.
Phân tích dữ liệu	Phân tích dữ liệu chính xác	Phân tích dữ liệu liên quan giả thuyết nhưng chưa chính xác.	Phân tích dữ liệu không liên quan đến giả thuyết.

CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

THANG ĐÁNH GIÁ

- Thang đánh giá là công cụ đo lường mức độ mà HS đạt được ở mỗi đặc điểm, hành vi về khía cạnh/lĩnh vực cụ thể nào đó.
- Có 3 hình thức biểu hiện cơ bản của thang đánh giá là thang dạng số, thang dạng đồ thị và thang dạng mô tả.

Ví dụ: Chỉ ra mức độ về việc sử dụng từ ngữ của HS khi thực hiện thuyết trình

Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1	2	3	4	5
Sử dụng từ ngữ không chính xác, vốn từ nghèo nàn, đơn điệu	Sử dụng vốn từ khá đơn điệu, nhiều chỗ thiếu chính xác	Sử dụng từ ngữ đôi chỗ chưa chính xác, số lượng các từ ngữ biểu cảm còn ít	Sử dụng từ ngữ chính xác và khá đa dạng, có khá nhiều từ biểu cảm.	Sử dụng từ ngữ chính xác, vốn từ đa dạng, giàu hình ảnh

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1) Ở Việt Nam hiện nay đánh giá trường đại học dựa trên những tiêu chí nào?
- 2) Trình bày các tiêu chí đánh giá CTĐT ĐH. Phân tích **01 tiêu chí**, tìm thông tin, minh chứng và hoàn thành phiếu đánh giá tiêu chí đó khi tự đánh giá chương trình đào tạo mà anh/chị đang giảng dạy theo CV 769 /QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng.
- 3) Nêu và phân tích những đặc điểm cơ bản của các mô hình quản lý chất lượng (kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng, quản lý chất lượng tổng thể) và mối quan hệ qua lại giữa ba loại mô hình này.
- 4) Trình bày mục đích của KTĐG trong dạy học, các phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá thường sử dụng trong đánh giá kết quả học tập của SV.